

## PHỤ LỤC A

### Bổ sung một số nội dung của Chương VII. Điều kiện cụ thể của hợp đồng

<b>E-ĐKC 5.2</b>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Đơn vị thụ hưởng bảo đảm thực hiện hợp đồng: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).</li><li>- Bảo đảm thực hiện hợp đồng: Sau khi Bên A gửi thư chấp thuận hồ sơ dự thầu và trao hợp đồng, Bên B phải thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo yêu cầu. Bảo đảm thực hiện hợp đồng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành (theo Mẫu bảo lãnh thực hiện hợp đồng tại E-HSMT) [Bảo lãnh thực hiện hợp đồng phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng (là người đại diện theo pháp luật của ngân hàng hoặc người được ủy quyền và kèm theo bản sao phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh)].</li><li>- Giá trị bảo đảm thực hiện hợp đồng: 3 % giá hợp đồng .</li><li>- Thời gian hiệu lực của bảo lãnh thực hiện hợp đồng là: Bảo đảm thực hiện hợp đồng có hiệu lực 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li></ul> <p>Nếu Bên B chưa hoàn thành nghĩa vụ hợp đồng tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo đảm thực hiện hợp đồng hết hiệu lực thì Bên B phải gia hạn hiệu lực bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến khi gói thầu được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng và Bên B chuyển sang nghĩa vụ bảo hành theo quy định, đồng thời phải nộp cho Bên A trước thời điểm hết hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng tối thiểu 21 ngày. Bên B phải thanh toán chi phí cho việc gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng. Trường hợp gói thầu được nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng mà vẫn còn các tồn tại mà Bên B phải khắc phục thì Bên B phải gia hạn bảo đảm thực hiện hợp đồng cho đến khi Bên B khắc phục xong các tồn tại.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Trường hợp Bên B là nhà thầu liên danh thì từng thành viên phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho Bên A, mức bảo đảm tương ứng với phần giá trị hợp đồng mà mỗi thành viên thực hiện. Nếu liên danh có thỏa thuận nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng thì nhà thầu đứng đầu liên danh nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng với giá trị là 3% giá trị của hợp đồng cho Bên A và từng thành viên liên danh phải nộp bảo đảm thực hiện hợp đồng cho nhà thầu đứng đầu liên danh tương ứng với giá trị hợp đồng do mình thực hiện. - Tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng: Bên A có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng trong các trường hợp sau: (1) Bên B từ chối thực hiện hợp đồng khi hợp đồng đã có hiệu lực; (2) Bên B vi phạm thỏa thuận trong hợp đồng; (3) Bên B thực hiện hợp</li></ul>
------------------	---

	<p>đồng chậm tiến độ do lỗi của mình nhưng từ chối gia hạn hiệu lực của bảo đảm thực hiện hợp đồng; (4) Bên B không gia hạn bảo lãnh đúng hạn theo quy định của hợp đồng; (5) Bên A có bằng chứng trong việc Bên B sử dụng tiền thanh toán cho hợp đồng này sai mục đích.</p> <p>Nếu Bên B là nhà thầu liên danh, bất kỳ thành viên nào trong liên danh vi phạm quy định tại các trường hợp trên thì Bên A có quyền tịch thu bảo đảm thực hiện hợp đồng của tất cả thành viên liên danh</p>
<p><b>E-ĐKC 20.1(a)</b></p>	<p><b>- Đơn vị thụ hưởng bảo lãnh bảo hành: Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).</b></p> <p><b>1. Thời gian bảo hành công trình: 12 tháng kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu hoàn thành công trình đưa vào sử dụng.</b></p> <p><b>2. Yêu cầu về bảo hành công trình:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trong vòng 15 ngày kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng và được Chủ đầu tư chấp nhận để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, nhà thầu phải giao cho Chủ đầu tư giấy cam kết bảo hành công trình và bảo lãnh bảo hành công trình. Bảo lãnh bảo hành sẽ được giải tỏa trong vòng 28 ngày sau khi hết thời gian bảo hành và nhà thầu hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà nhà thầu gửi Chủ đầu tư phải là bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng 5% giá trị hợp đồng [Bảo lãnh bảo hành phải có chữ ký của người đại diện hợp pháp của ngân hàng (là người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng hoặc người được ủy quyền và kèm theo bản sao phân cấp ký và phát hành thư bảo lãnh)].</li> <li>- Hiệu lực của bảo lãnh bảo hành: Bảo lãnh bảo hành có hiệu lực kể từ ngày công trình được nghiệm thu hoàn thành đưa vào sử dụng đến hết 28 ngày sau ngày hết thời gian bảo hành.</li> <li>- Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà nguyên nhân xác định được do lỗi của nhà thầu thì nhà thầu hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của nhà thầu theo thời gian yêu cầu của Chủ đầu tư. Trước khi tiến hành sửa chữa, nhà thầu phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Chủ đầu tư phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, nhà thầu cố tình trì hoãn sửa chữa thì Chủ đầu tư có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và nhà thầu phải chịu mọi chi phí liên quan này. Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà nhà thầu chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì nhà thầu phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành cho phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Chủ đầu tư trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước</li> </ul>

	ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà nhà thầu không gia hạn bảo lãnh thì Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh bảo hành.
<b>B. Quản lý thời gian</b>	
<b>E-ĐKC 28</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thời gian thực hiện hợp đồng: 520 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.</li> <li>- Thời gian thực hiện gói thầu: 150 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực trong đó thời gian thi công sửa chữa: 90 ngày kể từ ngày khởi công.</li> <li>- Ngày khởi công: Theo lệnh khởi công công trình.</li> <li>- Ngày hoàn thành dự kiến: 90 ngày kể từ ngày khởi công</li> </ul>
<b>D. Quản lý chi phí</b>	
<b>E-ĐKC 42.1</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Đơn vị thụ hưởng bảo lãnh tạm ứng: <b>Tổng Công ty Điện lực miền Nam TNHH (Đại diện là: Công ty Điện lực Đồng Nai – Chi Nhánh Tổng Công Ty Điện Lực Miền Nam TNHH).</b></li> <li>- Tạm ứng: 20% giá trị hợp đồng (không bao gồm thuế VAT và chi phí dự phòng)</li> <li>- Thời gian tạm ứng: Trong vòng 14 ngày sau khi Chủ đầu tư nhận được các hồ sơ gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Công văn yêu cầu tạm ứng;</li> <li>+ Bảo lãnh thực hiện hợp đồng;</li> <li>+ Bảo lãnh tạm ứng theo mẫu trong hồ sơ mời thầu. Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.</li> </ul> </li> <li>- Gia hạn bảo lãnh tạm ứng: Nếu chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực, nhà thầu phải gia hạn hiệu lực của bảo lãnh tạm ứng và nộp cho chủ đầu tư tối thiểu 21 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực. Nếu nhà thầu không giao nộp đúng hạn, chủ đầu tư có quyền tịch thu toàn bộ giá trị bảo lãnh tạm ứng. Mọi chi phí liên quan đến gia hạn, bổ sung giá trị, hiệu chỉnh bảo lãnh tạm ứng do nhà thầu chi trả.</li> <li>- Tịch thu bảo lãnh tạm ứng: Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong các trường hợp sau: (1) Chủ đầu tư có bằng chứng trong việc nhà thầu sử dụng tiền tạm ứng sai mục đích; (2) Nhà thầu không gia hạn bảo lãnh tạm ứng tại thời điểm 28 ngày trước khi bảo lãnh tạm ứng hết hiệu lực mà Chủ đầu tư chưa thu hồi hết tạm ứng; (3) Nhà thầu không bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng theo quy định.</li> </ul>

	<p>- Chủ đầu tư có quyền khấu trừ hoặc tịch thu bảo lãnh tạm ứng trong trường hợp nhà thầu vi phạm các nghĩa vụ theo hợp đồng hoặc từ chối gia hạn bảo lãnh theo quy định.</p> <p>Trong quá trình thực hiện hợp đồng, nếu Chủ đầu tư lựa chọn khấu trừ bất kỳ khoản tiền nào mà nhà thầu có nghĩa vụ chi trả theo hợp đồng thì sau đó nhà thầu có trách nhiệm phải bổ sung khoản tiền tương ứng vào bảo lãnh tạm ứng để đảm bảo giá trị bảo lãnh tạm ứng như quy định nếu không Chủ đầu tư có quyền tịch thu bảo lãnh tạm ứng.</p> <p>- Hoàn trả tiền tạm ứng: Số tiền tạm ứng này sẽ được chủ đầu tư thu hồi hết ngay từ lần Thanh toán đợt 1.</p>
<p><b>E-ĐKC 44.1</b></p>	<p>Phương thức thanh toán: Số lần thanh toán sẽ được tiến hành 02 đợt (không bao gồm đợt thanh toán tạm ứng lần đầu) kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ như sau:</p> <p>1. Thanh toán đợt 1: Thanh toán khối lượng hoàn thành sau khi nghiệm thu công trình đưa vào sử dụng: Chủ đầu tư sẽ thanh toán số tiền phải trả tiếp theo nhưng không vượt quá 90% giá trị quyết toán hợp đồng (bao gồm thu hồi hết số tiền tạm ứng) sau khi nhà thầu hoàn thành các công việc (hoàn tất các thủ tục tổng nghiệm thu công trình, quyết toán khối lượng xây lắp hoàn thành, hoàn trả VTTB A cấp dự (nếu có), hoàn trả VTTB thu hồi hiện hữu (nếu có), hoàn tất việc lập và phê duyệt công tác phát sinh, hoàn tất lập và nộp bản vẽ hoàn công...), thỏa thuận theo hợp đồng và Chủ đầu tư nhận được bảo lãnh bảo hành có giá trị tương đương 5% giá trị hợp đồng hoặc theo giá trị thực tế nếu lớn hơn giá trị hợp đồng. Bảo lãnh bảo hành phải có hiệu lực cho đến hết thời gian bảo hành.</p> <p>2. Thanh toán đợt 2: Sau khi công trình có quyết định phê duyệt quyết toán, Chủ đầu tư sẽ thanh toán giá trị còn lại cho nhà thầu.</p> <p>* Hồ sơ thanh toán hợp lệ (đợt 1) bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hồ sơ nghiệm thu kỹ thuật (theo đúng biểu mẫu đã quy định) kèm theo Biên bản nghiệm thu khối lượng thực hiện trong giai đoạn thanh toán có xác nhận của đại diện nhà thầu, chủ đầu tư và tư vấn giám sát; trong đó có cột khối lượng tăng hoặc giảm so với hợp đồng.</li> <li>- Biên bản thử nghiệm xuất xưởng của nhà sản xuất đối với vật tư thiết bị sản xuất trong nước (bản gốc);</li> <li>- Biên bản nghiệm thu vật tư thiết bị trước khi lắp đặt (bản gốc)</li> <li>- Chứng nhận chất lượng (C/Q), chứng nhận nguồn gốc xuất xứ (C/O) bản chính hoặc bản sao có chứng thực của cơ quan có thẩm quyền đối với vật tư thiết bị nhập khẩu;</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bảng xác định giá trị khối lượng phát sinh (nếu có) nằm ngoài phạm vi công việc phải thực hiện theo hợp đồng đã ký kết có xác nhận của đại diện Bên giao thầu hoặc đại diện nhà tư vấn (nếu có) và đại diện Bên nhận thầu.</li> <li>- Bảng tính giá trị đề nghị thanh toán (Bảng thanh toán khối lượng xây lắp hoàn thành) được tính trên cơ sở: khối lượng công việc hoàn thành theo hợp đồng, giá trị khối lượng công việc phát sinh (nếu có), giá trị thu hồi tạm ứng, giá trị đề nghị thanh toán.</li> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán.</li> <li>- Hóa đơn GTGT do nhà thầu lập theo đúng quy định pháp luật và hoàn toàn tự chịu trách nhiệm về các hậu quả pháp lý cho hóa đơn nhà thầu lập.</li> <li>- Bảo lãnh bảo hành của Ngân hàng.</li> <li>* Hồ sơ thanh toán hợp lệ đợt 2 bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quyết định phê duyệt quyết toán công trình.</li> <li>- Văn bản đề nghị thanh toán.</li> </ul> </li> <li>2. Đồng tiền thanh toán: Việt Nam đồng (VND).</li> <li>3. Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản.</li> <li>4. Thời hạn thanh toán: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.</li> </ul> <p>Trường hợp nhà thầu tham dự là liên danh thì đại diện 01 thành viên trong liên danh là đơn vị thụ hưởng tiền thanh toán của hợp đồng.</p> <p>Thanh lý hợp đồng: Các bên có thể thỏa thuận về việc hợp đồng tự động hết hiệu lực khi hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc ký kết biên bản thanh lý hợp đồng. Biên bản thanh lý hợp đồng có thể được lập riêng hoặc như một phần của biên bản nghiệm thu đợt cuối cùng hoặc biên bản thống nhất chấm dứt hợp đồng với nội dung phù hợp với trách nhiệm các bên đã quy định trong hợp đồng. Việc thanh lý hợp đồng phải được thực hiện trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày các bên hoàn thành các nghĩa vụ theo hợp đồng đã ký hoặc trong thời hạn 45 ngày kể từ ngày hợp đồng bị chấm dứt (hủy bỏ) theo quy định của pháp luật</p>
<p><b>E-ĐKC 49.1</b></p>	<p>Mức phạt:</p> <p>(a) Phạt vi phạm thời hạn hoàn thành công trình:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Chậm trễ 10 ngày đầu phạt <b>2%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</li> <li>+ Chậm mỗi 01 ngày tiếp theo phạt thêm <b>0,8%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</li> </ul> <p>(b) Phạt chất lượng thi công công trình không đúng thỏa thuận trong hợp đồng:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Nhà thầu sử dụng vật tư, thiết bị lắp đặt cho công trình không phù hợp với quy định của hợp đồng về chủng loại hàng hóa, xuất xứ,</li> </ul>

	<p>nhãn hiệu và các thông số kỹ thuật theo chỉ dẫn kỹ thuật quy định trong HSMT.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Thi công công trình không đảm bảo chất lượng (gây lún, nứt, chuyên vị, thấm nước, ..., hoàn thiện công trình không đảm bảo tính thẩm mỹ), không phù hợp với quy chuẩn Việt Nam và các tiêu chuẩn Việt Nam về nghiệm thu công trình xây dựng.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng Thiết kế bản vẽ thi công.</li> <li>+ Thi công công trình không đúng biện pháp thi công được duyệt để xảy ra tai nạn, sự cố sụp đổ công trình.</li> </ul> <p>(c) Mức phạt hợp đồng không vượt quá <b>12%</b> giá trị phần hợp đồng bị vi phạm.</p>
	<b>E. Kết thúc hợp đồng</b>
<b>E-ĐKC 54</b>	Thời gian bàn giao công trình: Trong vòng 15 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư cấp giấy chứng nhận hoàn thành hoặc biên bản nghiệm thu công trình hoặc trong vòng 02 ngày, kể từ ngày các bên tổ chức nghiệm thu kỹ thuật công trình/hạng mục công trình đối với lưới điện 22kV.
<b>E-ĐKC 55.1</b>	Thời gian nộp bản vẽ hoàn công: Trong vòng 14 ngày kể từ ngày hoàn thành công trình, nếu nhà thầu nộp trễ hồ sơ nêu trên thì xem như nhà thầu đã vi phạm thời hạn hoàn thành công trình và bị vi phạm theo Mục <b>E-ĐKC 49.1</b>